

Bài báo nghiên cứu

MỨC ĐỘ NHẬN THỨC VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA SINH VIÊN NĂM BA TẠI MỘT SỐ TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Viễn Thông^{1*}, Trần Mỹ Nguyên¹, Nguyễn Hoàng Bảo Uyên¹, Đào Thị Hoàng Hoa²

¹Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

²Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

*Tác giả liên hệ: Nguyễn Viễn Thông – Email: thong.nguyen@hcmussh.edu.vn

Ngày nhận bài: 18-4-2025; Ngày nhận bài sửa: 06-5-2025; Ngày duyệt đăng: 05-8-2025

TÓM TẮT

Các trường đại học hiện nay đang trong giai đoạn thực hiện định hướng Phát triển Bền vững (PTBV) trong các chiến lược của mình. Trong bối cảnh đó, việc có một nghiên cứu đánh giá mức độ nhận thức của sinh viên (SV) là vô cùng cần thiết cho việc hoạch định các chính sách. Nghiên cứu này đo lường mức độ nhận thức về PTBV của 528 SV năm ba tại một số trường đại học trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (TP. HCM) nhằm khám phá mối liên hệ giữa kiến thức, thái độ và hành vi PTBV ở SV. Kết quả phân tích cho thấy, mặc dù SV thể hiện kiến thức và thái độ tích cực về PTBV, nhưng điều này chưa đủ để hình thành những hành vi tương ứng mà chỉ ở mức trung bình. SV có xu hướng tiếp cận thông tin về PTBV chủ yếu thông qua mạng xã hội và báo đài chính thống nhiều hơn thông qua chương trình giáo dục đại học. Đáng chú ý, nhận thức PTBV của SV các trường không có sự khác biệt đáng kể dù trường có đang thực mô hình Đại học Xanh hay không. Qua đó, nghiên cứu đề xuất một số biện pháp giáo dục, không chỉ thúc đẩy nhận thức và thái độ mà từ đó còn hình thành những hành vi cụ thể góp phần vào việc thực hiện PTBV một cách toàn diện.

Từ khóa: Đại học Xanh; hành vi; kiến thức; nhận thức; phát triển bền vững; sinh viên; thái độ

1. Mở đầu

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và những thách thức ngày càng nghiêm trọng của biến đổi khí hậu, chính phủ Việt Nam đã ban hành nhiều chính sách nhằm hiện thực hóa các mục tiêu phát triển bền vững (SDGs) thông qua các văn bản pháp lý như Chỉ thị số 13/CT-TTg về phát triển bền vững ban hành ngày 20 tháng 5 năm 2019, và Quyết định số 681/QĐ-TTg về lộ trình thực hiện SDGs đến năm 2030 ban hành ngày 4 tháng 6 năm 2019. Bên cạnh đó, Bộ Giáo dục và Đào tạo với chức năng quản lý và định hướng giáo dục quốc gia và đóng vai trò chủ đạo trong việc tích hợp các nội dung PTBV vào chương trình đào tạo ở các cấp. Đặc

Cite this article as: Nguyen, V. T., Tran, M. N., Nguyen, H. B. U., & Dao, T. H. H. (2025). The awareness level of sustainable development among third-year students at selected universities in Ho Chi Minh City. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 22(12), 2292-2303. [https://doi.org/10.54607/hcmue.js.22.12.4914\(2025\)](https://doi.org/10.54607/hcmue.js.22.12.4914(2025))

biệt, bậc giáo dục đại học đóng vai trò quan trọng trong việc kết nối mạng lưới cộng đồng và thúc đẩy các hành động vì sự PTBV (Do, 2023).

Những năm gần đây, một số trường đại học Việt Nam đã tham gia các bảng xếp hạng toàn cầu về đại học xanh và thực hiện SDGs. Trong 1591 trường từ 112 quốc gia được xếp hạng theo SDGs, Việt Nam có 09 trường, trong đó Đại học Kinh tế TP. HCM thuộc nhóm 301–400, các trường còn lại phân bố ở các nhóm 401–800; Đại học Tôn Đức Thắng và Đại học Bách khoa Hà Nội là những đơn vị tiên phong (Luong et al., 2024). Bên cạnh đó, trong bảng xếp hạng UI GreenMetric 2022 với 1050 trường từ 85 quốc gia, Việt Nam có ba đại diện: Đại học Tôn Đức Thắng, Đại học Trà Vinh và Đại học Cần Thơ (UI GreenMetric, 2022). Các đại học xanh được ghi nhận là động lực thúc đẩy nghiên cứu, đổi mới sáng tạo và đào tạo nguồn nhân lực phục vụ PTBV và tăng trưởng xanh. Tuy nhiên, vẫn còn thiếu các nghiên cứu về mức độ nhận thức PTBV của SV tại các trường đại học ở TP.HCM trong bối cảnh thực hiện SDGs. Do đó, các nghiên cứu trong tương lai cần tiếp tục khảo sát đặc điểm người học và bối cảnh triển khai GDPTBV, nhằm phát huy vai trò của đại học không chỉ trong đào tạo mà còn trong thu thập và lan tỏa tri thức về PTBV (Chiba et al., 2021; Jadhav et al., 2014).

Nghiên cứu này hướng đến ba mục tiêu: (1) đo lường mức độ nhận thức về PTBV của SV năm ba tại một số trường đại học ở TP.HCM, xét trên các khía cạnh kiến thức, thái độ, hành vi và nguồn thông tin tiếp cận; (2) so sánh mức độ nhận thức giữa các trường nhằm xác định sự khác biệt và gợi ý nguyên nhân từ đặc điểm chương trình đào tạo; và (3) đề xuất khuyến nghị lồng ghép PTBV vào đào tạo đại học, góp phần nâng cao nhận thức và phát triển năng lực PTBV toàn diện cho SV.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý thuyết

Khái niệm “nhận thức” mang nhiều sắc thái nghĩa khác nhau. Khái niệm này có thể hiểu là sự suy nghĩ hoặc chú ý tới một điều gì đó (Dekel et al., 1998) hoặc một điều gì đó hiện diện trong ý thức và được nhìn nhận một cách phổ quát (Modica & Rustichini, 1999). Như vậy, nhìn chung nhận thức có thể được hiểu là khả năng suy nghĩ, nhìn nhận và ý thức về những gì đang diễn ra bên trong và xung quanh một người. Trong bối cảnh PTBV, nhận thức PTBV được hiểu là khả năng hiểu biết, đánh giá và áp dụng các nguyên tắc, khái niệm và thực hành liên quan đến PTBV (Manolis & Manoli, 2020). Các yếu tố ảnh hưởng đến nhận thức PTBV bao gồm đặc điểm xã hội và nhân khẩu học bao gồm tuổi tác, giới tính và địa vị xã hội (Liere & Dunlap, 1980), cảm xúc, sự gắn kết với thiên nhiên và khu vực bản địa (Zhao et al., 2022) và chuẩn mực xã hội (Zhang et al., 2017).

Trong nghiên cứu về PTBV, mô hình KAP (Knowledge - Attitude - Practice) là một khung lý thuyết phân tích phổ biến. Trong đó, kiến thức là sự hiểu biết và nhận thức của cá nhân vấn đề cụ thể, thái độ phản ánh sự tích cực hay tiêu cực của cá nhân đối với hành vi và hành vi là hành động cụ thể được thúc đẩy bởi hai yếu tố trên. Gericke và cộng sự (2018) cho thấy kiến thức về PTBV có ảnh hưởng trực tiếp đến thái độ và hành vi. Biasutti và Frate (2017) kết luận

thái độ về PTBV đóng vai trò trung gian giữa kiến thức và hành vi bền vững. Tương tự, Olsson và cộng sự (2015) nhấn mạnh vai trò của việc nâng cao kiến thức để thúc đẩy hành vi bền vững.

Ngoài ra, Lý thuyết Hành vi Dự định (Ajzen, 1991) cũng được ứng dụng trong nghiên cứu hành vi bền vững với ba yếu tố: thái độ đối với hành vi, chuẩn mực chủ quan và kiểm soát hành vi nhận thức được. Tuy nhiên, nghiên cứu chỉ tập trung vào mối quan hệ giữa kiến thức, thái độ và hành vi để đánh giá mức độ nhận thức về PTBV của SV.

Giáo dục đóng vai trò trọng tâm trong việc nâng cao nhận thức và thúc đẩy hành vi bền vững. Tuy nhiên Yuan và Zuo (2013) nhận định SV thường ưu tiên các khía cạnh về môi trường hơn là kinh tế và xã hội. Điều này cho thấy rất cần nghiên cứu và phát triển nội dung và hoạt động giáo dục PTBV theo hướng toàn diện hơn. Xuất phát từ quan điểm đó, nghiên cứu này lựa chọn tiếp cận theo hướng phân tích mối quan hệ giữa ba yếu tố: kiến thức, thái độ và hành vi, nhằm đưa ra cái nhìn toàn diện về mức độ nhận thức PTBV của SV.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Mẫu khảo sát

Nghiên cứu được thực hiện với SV năm ba tại năm trường thuộc ĐHQG TP.HCM: trường đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (ĐH KHXH&NV), trường đại học Bách khoa (ĐH BK), Trường đại học Khoa học Tự nhiên (ĐH KHTN), Trường đại học Công nghệ Thông tin (ĐH CNTT) và Trường đại học Kinh tế – Luật (ĐH KTL), trong đó ĐH KHXH&NV đang triển khai mô hình Đại học Xanh. Dữ liệu được thu thập từ tháng 12/2024 đến tháng 3/2025 thông qua Google Form theo phương pháp chọn mẫu thuận tiện. Mẫu nghiên cứu gồm 528 SV chính quy năm học 2024–2025 (235 nam, 293 nữ), phân bố lần lượt tại KHXH&NV (225), KHTN (133), BK (62), CNTT (55) và KTL (53). Theo Perry (1970), việc lựa chọn SV năm ba dựa trên cơ sở phát triển nhận thức trong học tập đại học, cũng phù hợp với nghiên cứu của Leal và cộng sự (2024), cho thấy SV lớn tuổi có mức độ hiểu biết cao hơn về các khía cạnh của PTBV, bảo đảm khả năng đánh giá và phản hồi có ý nghĩa về các vấn đề PTBV.

2.2.2. Thang đo

Nghiên cứu này sử dụng một số phương pháp nghiên cứu bao gồm: phương pháp nghiên cứu lý luận từ các dữ liệu, thông tin học thuật; phương pháp khảo sát bằng bảng hỏi bằng Google Form, xử lý bằng phần mềm SPSS 26.0. Ba nhóm thang đo bao gồm:

(1) Thang đo nguồn tiếp cận thông tin về PTBV gồm 5 biến, được xây dựng theo thang Likert (1-5) từ “không bao giờ” đến “rất thường xuyên”. Kiểm định thang đo cho thấy độ tin cậy ở mức chấp nhận được (Cronbach’s Alpha = 0,765), với các hệ số tương quan biến–tổng đều > 0,3.

(2) Thang đo kiến thức về SDGs được xây dựng dựa trên bảng hỏi của Maoela và cộng sự (2024), gồm 8 mệnh đề theo thang Likert 5 mức độ, được điều chỉnh từ MDGs sang 17 SDGs để phù hợp bối cảnh Việt Nam. Kết quả kiểm định cho thấy thang đo đạt độ tin cậy cao (Cronbach’s Alpha = 0,885), các hệ số tương quan biến–tổng đều > 0,3.

(3) Thang đo nhận thức của SV về PTBV được tham khảo từ thang đo QoSD của Olsson và cộng sự (2015) và phiên bản Việt hóa của Nguyen và cộng sự (2022), gồm 50 câu hỏi đo lường kiến thức (19 câu), thái độ (14 câu) và hành vi (17 câu). Nghiên cứu sử dụng thang Likert 5 mức độ (1–5). Kết quả kiểm định độ tin cậy cho thấy các thang đo đạt mức chấp nhận được: kiến thức (Cronbach's Alpha = 0.935), thái độ (Cronbach's Alpha = 0.854) và hành vi (Cronbach's Alpha = 0.816), mặc dù một số câu đảo có tương quan biến–tổng thấp hoặc âm nhưng vẫn được giữ lại nhằm kiểm soát mức độ chú ý của người trả lời.

Mặc dù một số biến có độ tin cậy chưa cao, nhóm tác giả vẫn giữ lại do đây là các biến đảo ngược nhằm kiểm soát mức độ chú ý và tính trung thực của phản hồi, đặc biệt trong các bảng hỏi dài (Meade & Craig, 2012; Podsakoff et al., 2003).

2.3. Kết quả nghiên cứu

2.3.1. Mức độ kiến thức, thái độ và hành vi của sinh viên về phát triển bền vững

SV năm ba một số trường đại học có kiến thức tương đối tốt về PTBV (ĐTB 4.1; ĐLC 0.638). Những nội dung được đánh giá cao chủ yếu thuộc về trụ cột xã hội và môi trường như: Bảo tồn đa dạng sinh học (ĐTB 4.34; ĐLC 0.841); tôn trọng quyền con người (ĐTB 4.36; ĐLC 0.844) và thúc đẩy bình đẳng giới (ĐTB 4.27; ĐLC 0.877). Kết quả có phần tương đồng với Yuan và Zuo (2013) cho thấy SV có nhận thức tương đối tốt về PTBV và ưu tiên các yếu tố liên quan tới môi trường.

Về thái độ, SV thể hiện mức độ quan tâm khá cao (ĐTB 3.97; ĐLC 0.591), đặc biệt là đối với các chính sách và biện pháp bảo vệ môi trường như: yêu cầu tăng cường luật pháp (ĐTB 4.32; ĐLC 0.836) và hành động ứng phó biến đổi khí hậu (ĐTB 4.17; ĐLC 0.870). Đồng thời, các phát biểu về bình đẳng trong tiếp cận các cơ hội sống bền vững cũng được đánh giá cao (ĐTB 4.24 – 4.33). Ngược lại, những phát biểu thể hiện sự thờ ơ với hành vi tiêu dùng không bền vững có điểm trung bình thấp như việc sử dụng tài nguyên quá mức không đe dọa tới tương lai con người (ĐTB 2.02; ĐLC 1.277). Kết luận cho thấy, SV có nhận thức rõ ràng về trách nhiệm cá nhân trong bối cảnh PTBV.

Về hành vi, điểm trung bình là 3.59 (ĐLC 0.537) phản ánh xu hướng SV có hành vi PTBV tích cực nhưng thật sự chưa mạnh mẽ. Các hành vi thể hiện sự tôn trọng và bình đẳng trong giao tiếp không phân biệt giới tính (ĐTB 4.26; ĐLC 0.874), văn hóa (ĐTB 4.13; ĐLC 0.894) hay giao tiếp trực tuyến (ĐTB 4.08; ĐLC 0.909) nhận được sự đồng thuận tương đối cao. Bên cạnh đó, hành vi trong sinh hoạt hằng ngày như nhặt rác không đúng nơi quy định (ĐTB 3.82; ĐLC 0.898), giảm lãng phí (ĐTB 3.91; ĐLC 0.924) và quan tâm trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (ĐTB 3.79; ĐLC 1.061) cũng cho thấy có sự chuyển hóa nhất định từ kiến thức và thái độ sang hành vi môi trường. SV cũng thể hiện tinh thần cộng đồng thông qua hành vi giúp đỡ người nghèo (ĐTB 3.71; ĐLC 0.929) và ủng hộ các tổ chức từ thiện hoặc bảo vệ môi trường (ĐTB 3.83; ĐLC 1.005). Tuy nhiên, mức độ tham gia vào các tổ chức lãnh đạo trong trường học còn thấp (ĐTB 2.79; ĐLC 1.386) cho thấy hạn chế trong đóng góp ở cấp độ tổ chức hay đoàn thể.

Bảng 1. Kết quả tổng điểm mức độ thang đo kiến thức, thái độ, hành vi về PTBV

	ĐTB	ĐLC
Kiến thức về PTBV	4.10	.634
Thái độ về PTBV	3.97	.591
Hành vi về PTBV	3.59	.537
Mẫu	528	

Nhìn chung, kiến thức và thái độ về PTBV của SV được thể hiện khá tích cực khi mức độ hai khía cạnh này tương đối cao trong một số nội dung về PTBV liên quan đến ba trụ cột, đặc biệt là ở khía cạnh xã hội. Ngược lại, hành vi PTBV của SV chỉ mức trung bình nhưng vẫn có tiềm năng cải thiện, nâng cao.

2.3.2. Mức độ nhận thức và kiến thức của sinh viên về Mục tiêu Phát triển Bền vững

Trong bối cảnh giáo dục đại học, SV đánh giá cao tầm quan trọng của kiến thức liên quan đến SDGs đối với bản thân (ĐTB 3.84; ĐLC 0.942) và giảng viên đại học (ĐTB 3.98; ĐLC 0.948). Tuy nhiên, mức độ tiếp cận các tài liệu chính thức như "Chuyển đổi thế giới của chúng ta" (ĐTB 2.83; ĐLC 1.254) hay quen thuộc với 17 Mục tiêu SDGs (ĐTB 3.13; ĐLC 1.259) vẫn còn hạn chế. Điều này phản ánh khả năng tiếp cận các tài liệu chuyên sâu vẫn chưa cao. Mức độ SV được tiếp nhận các nội dung trong chương trình học (ĐTB 3.32; ĐLC 1.250) và tích hợp từ phía giảng viên (ĐTB 3.25; ĐLC 1.114) chỉ ở mức trung bình, cho thấy vai trò lan tỏa kiến thức từ nội dung chương trình học chính thức ở các trường đại học chưa thực sự hiệu quả.

Bảng 2. Kết quả điểm mức độ thang đo nhận thức và kiến thức của sinh viên về SDGs

Nội dung	ĐTB	ĐLC
Tôi đồng ý rằng kiến thức về SDGs là quan trọng đối với sinh viên đại học.	3.84	.942
Tôi đồng ý rằng kiến thức về SDGs là quan trọng đối với đội ngũ giảng viên đại học.	3.98	.948
Tôi đồng ý rằng kiến thức về SDGs là quan trọng đối với nhân viên hành chính đại học.	3.80	.943
Tôi đã được học về SDGs hoặc các nội dung liên quan trong chương trình học.	3.32	1.250
Tôi đã đọc và làm quen với tài liệu "Chuyển đổi thế giới của chúng ta: Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững" của Liên hợp quốc.	2.83	1.254
Tôi đã đọc và làm quen với 17 Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs).	3.13	1.259
Các giảng viên của tôi tích hợp kiến thức SDGs trong giảng dạy.	3.25	1.114
Các giảng viên của tôi tham gia vào các dự án cộng đồng giải quyết các vấn đề liên quan đến SDGs.	3.37	1.030
Các giảng viên của tôi có hiểu biết và nghiên cứu/công bố về SDGs.	3.41	1.082
Kiến thức về SDGs	3.44	.793
Mẫu	528	

Mức độ tham gia của giảng viên vào các dự án cộng đồng nhằm giải quyết các vấn đề liên quan đến SDGs (ĐTB 3.17; ĐLC 1.030) và hiểu biết cũng như nghiên cứu/công bố về SDGs của giảng viên (ĐTB 3.41; ĐLC 1.082) phản ánh hạn chế trong ứng dụng vào thực tiễn học thuật. Ngoài ra, độ lệch chuẩn cao ở một số mục như SV đã được học về 17 SDGs hay nội dung liên quan trong chương trình học (ĐLC 1.250), việc đọc tài liệu "Chuyển đổi thế giới của chúng ta" (ĐLC 1.254), hay làm quen với 17 SDGs (ĐLC 1.259), cho thấy phản ánh sự phân tán lớn trong mức độ nhận thức hoặc tiếp cận thông tin của SV

đối với các nội dung này. Thực tiễn này cho thấy, cần xây dựng chiến lược cụ thể và hiệu quả nhằm nâng cao việc tích hợp SDGs vào chương trình giảng dạy giáo dục đại học, đồng thời, khuyến khích SV vận dụng kiến thức vào các tình huống thực tiễn.

2.3.3. Mức độ các nguồn thông tin được sinh viên tìm hiểu về phát triển bền vững

Theo thống kê, SV chủ yếu tiếp cận thông tin về PTBV qua các kênh truyền thông đại chúng như mạng xã hội (ĐTB 3.50, ĐLC 1.083) và báo chí, truyền hình chính thống (ĐTB 3.24, ĐLC 1.105), thay vì từ chương trình đào tạo chính quy. Điều này phản ánh sự ảnh hưởng mạnh mẽ của truyền thông trong việc định hình nhận thức về PTBV trong cộng đồng SV.

Bảng 3. *Kết quả điểm mức độ thang đo nguồn thông tin thường xuyên tìm hiểu về PTBV*

Nội dung	ĐTB	ĐLC
Mức độ thường xuyên tìm hiểu về PTBV qua báo chí/truyền hình chính thống	3.24	1.105
Mức độ thường xuyên tìm hiểu về PTBV qua mạng xã hội (Facebook, Youtube, 3.50 TikTok...)	3.50	1.083
Mức độ thường xuyên tìm hiểu về PTBV qua Chương trình ngoại khóa trong trường	2.60	1.163
Mức độ thường xuyên tìm hiểu về PTBV qua Chương trình ngoại khóa ngoài trường	2.70	1.128
Mức độ thường xuyên tìm hiểu về PTBV qua Gia đình, bạn bè	2.03	1.247
Mẫu	528	

Ngược lại, mức độ tiếp cận thông tin về PTBV qua các chương trình ngoại khóa trong trường (ĐTB 2.60, ĐLC 1.163) và ngoài trường (ĐTB 2.70, ĐLC 1.128) còn khá thấp, cho thấy cách thức tổ chức hoạt động về PTBV cần đổi mới và đa dạng hơn để hấp dẫn đối với SV. Đáng lưu ý, gia đình và bạn bè (ĐTB 2.03, ĐLC 1.247) là nguồn thông tin có điểm trung bình thấp nhất và độ lệch chuẩn cao nhất, phản ánh sự không đồng đều trong mức độ trao đổi và tiếp cận thông tin về PTBV trong các mối quan hệ cá nhân. Ngược lại, độ lệch chuẩn thấp ở nhóm mạng xã hội cho thấy, đây là kênh tiếp cận khá ổn định và phổ biến.

Trước kết quả này, mạng xã hội và báo chí cần được xem là những kênh truyền thông chiến lược trong việc lan tỏa tri thức về PTBV. Đồng thời, việc thúc đẩy GDPTBV đòi hỏi phải nâng cao vai trò của các mối quan hệ cá nhân và đầu tư vào các chương trình giáo dục ngoại khóa, hướng đến hình thành môi trường học tập đa kênh, tích hợp và bền vững.

2.3.4. Sự khác biệt giữa kiến thức, thái độ, hành vi về phát triển bền vững, kiến thức về Mục tiêu phát triển bền vững và nguồn thông tin của sinh viên tại một số trường đại học trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

Kết quả cho thấy, kiến thức PTBV của SV giữa các trường nhìn chung khá cao và đồng đều (ĐTB 4.1; ĐLC 0.634), tuy nhiên, vẫn có sự chênh lệch có ý nghĩa thống kê ($\text{Sig.} = 0.046 < 0.05$). Kiến thức PTBV của SV ĐH KTL có điểm cao nhất (ĐTB 4.20; ĐLC 0.473) và của SV ĐH CNTT có điểm thấp nhất (ĐTB 3.87; ĐLC 0.782). Tương tự, kiến thức về SDGs của SV ĐH KTL (ĐTB 3.72; ĐLC 0.721) cũng cao nhất và thấp nhất là của SV ĐH CNTT (ĐTB 3.44; ĐLC 0.793), với $\text{Sig.} = 0.012 (< 0.05)$ cũng khẳng định chênh lệch có ý nghĩa.

Về thái độ, mức điểm trung bình chung là 3.97 (ĐLC 0,591). Trong đó, của SV ĐH KHXH&NV cao nhất (ĐTB 4.02; ĐLC 0.581) và của ĐH CNTT thấp nhất (ĐTB 3.74; ĐLC 0.660), sự khác biệt giữa hai trường có ý nghĩa thống kê (Sig. < 0.05). Bên cạnh đó, đối với hành vi mức điểm trung bình có phần thấp hơn so với kiến thức và thái độ (ĐTB 3.59; ĐLC 0.537). SV ĐH KTL tiếp tục có điểm cao nhất (ĐTB 3.79; ĐLC 0.469) và ĐH CNTT thấp nhất (ĐTB 3.50; ĐLC 0.639), sự khác biệt cũng có ý nghĩa thống kê (Sig. = 0.039 < 0.05). Ngoài ra, sự chênh lệch giữa điểm trung bình của SV ĐH KTL và ĐH KHXH&NV cũng đạt mức ý nghĩa (Sig. = 0.047 < 0.05), cho thấy SV ĐH KTL có xu hướng thực hiện các hành vi PTBV tích cực hơn. Tuy nhiên, khác biệt tổng thể giữa các trường là không quá lớn ($p = 0.048$).

Bảng 4. Bảng đo khác biệt về kiến thức, thái độ, hành vi về PTBV, kiến thức của SDGs, nguồn thông tin giữa các trường

	Trường	Mẫu	ĐTB	ĐLC	Sai số chuẩn
Kiến thức về PTBV	ĐH KHXH&NV	225	4.12	.632	.042
	ĐH KHTN	133	4.13	.588	.051
	ĐH BK	62	4.10	.681	.086
	ĐH CNTT	55	3.87	.782	.105
	ĐH KTL	53	4.20	.473	.065
	Tổng	528	4.10	.634	.028
Thái độ về PTBV	ĐH KHXH&NV	225	4.02	.581	.039
	ĐH KHTN	133	3.99	.563	.049
	ĐH BK	62	3.94	.663	.084
	ĐH CNTT	55	3.74	.660	.089
	ĐH KTL	53	3.96	.489	.067
	Tổng	528	3.97	.591	.026
Hành vi về PTBV	ĐH KHXH&NV	225	3.57	.486	.032
	ĐH KHTN	133	3.58	.549	.048
	ĐH BK	62	3.57	.612	.078
	ĐH CNTT	55	3.50	.639	.086
	ĐH KTL	53	3.79	.469	.064
	Tổng	528	3.59	.537	.023
Kiến thức về SDGs	ĐH KHXH&NV	225	3.54	.731	.049
	ĐH KHTN	133	3.34	.839	.073
	ĐH BK	62	3.21	.767	.097
	ĐH CNTT	55	3.24	.891	.120
	ĐH KTL	53	3.72	.721	.099
	Tổng	528	3.44	.793	.035
Nguồn thông tin	ĐH KHXH&NV	225	2.90	.742	.049
	ĐH KHTN	133	2.69	.851	.074
	ĐH BK	62	2.55	.704	.089
	ĐH CNTT	55	2.61	1.007	.136
	ĐH KTL	53	3.28	.778	.107
	Tổng	528	2.81	.823	.036

Kết quả nhất quán cho thấy SV ĐH KTL có điểm trung bình cao nhất, trong khi SV ĐH CNTT thấp nhất, nhiều khả năng do khác biệt trong chương trình đào tạo. ĐH CNTT tập trung vào kỹ thuật và công nghệ, ít nội dung tích hợp trực tiếp PTBV, trong khi trường ĐH KTL gắn với các lĩnh vực kinh tế và pháp luật – những trụ cột cốt lõi của PTBV. Bên cạnh đó, văn hóa học đường và mức độ tổ chức hoạt động ngoại khóa liên quan đến PTBV cũng góp phần tạo cơ hội thực hành, qua đó nâng cao nhận thức bền vững của SV

Mức độ SV tiếp cận các nguồn thông tin PTBV nhìn chung khá thấp (ĐTB 2.81; ĐLC 0.823) và có sự chênh lệch. Mức độ SV tiếp cận các nguồn thông tin PTBV của ĐH KTL cao nhất (ĐTB 3.28; ĐLC 0.778), theo sau là của SV ĐH KHXH&NV (ĐTB 2.90; ĐLC 0.742) và thấp nhất là của SV ĐH BK (ĐTB 2.55; ĐLC 0.704), với sự chênh lệch có ý nghĩa thống kê (Sig. < 0.05). Nhìn chung, kết quả cho thấy mức độ nhận thức của SV ĐH KHXH&NV có chênh lệch nhưng không nhiều khi so với các trường khác, chứng tỏ chương trình Đại học Xanh đang triển khai cần nhiều nỗ lực hơn để tạo sự chuyển biến sâu sắc trong nhận thức SV.

Bảng 5. Kiểm định POST HOC (Tukey HSD) so sánh sự khác biệt về kiến thức về PTBV

		(I) Trường đại học	(J) Trường đại học	Khác biệt trung bình(I-J)	Sai số chuẩn	Sig.
Kiến thức về PTBV	ĐH KTL		ĐH KHXH&NV	.079	.096	.923
			ĐH KHTN	.075	.102	.948
			ĐH BK	.102	.118	.911
			ĐH CNTT	.337*	.121	.046
Thái độ về PTBV	ĐH KTL		ĐH KHXH&NV	-.058	.090	.967
			ĐH KHTN	-.031	.095	.997
			ĐH BK	.015	.110	1.000
			ĐH CNTT	.223	.113	.280
Hành vi về PTBV	ĐH KTL		ĐH KHXH&NV	.225*	.082	.047
			ĐH KHTN	.214	.087	.099
			ĐH BK	.220	.100	.179
			ĐH CNTT	.291*	.103	.039
Kiến thức về SDGs	ĐH KTL		ĐH KHXH&NV	.179	.119	.562
			ĐH KHTN	.378*	.127	.025
			ĐH BK	.508*	.146	.005
			ĐH CNTT	.483*	.150	.012
Nguồn thông tin	ĐH KHXH&NV		ĐH KHTN	.212	.088	.112
			ĐH BK	.349*	.115	.021
			ĐH CNTT	.290	.120	.116
			ĐH KTL	-.379*	.122	.017
Mẫu						528
Ghi chú: * khi p<0.05						

3. Kết luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy SV năm ba tại một số trường đại học trên địa bàn TP.HCM có mức độ nhận thức tích cực về PTBV ở các khía cạnh kiến thức và thái độ. Tuy nhiên, hành vi bền vững chỉ đạt mức trung bình, cho thấy khoảng cách rõ rệt giữa nhận thức và hành động. Điều này phản ánh thực tế quá trình chuyển kiến thức và thái độ thành hành vi vẫn tồn tại khoảng cách nhất định.

Điều này góp phần tạo ra sự chênh lệch rõ rệt về mức độ nhận thức và hành vi của sinh viên. Kết quả nghiên cứu tương đồng với các phát hiện trước đó, như của López và cộng sự (2020) công bố việc tích hợp chương trình GDPTBV ở bậc cử nhân có thể khiến SV có chuẩn mực xã hội và thái độ tích cực trước các vấn đề về PTBV. Bên cạnh đó, Gapor và cộng sự (2014) đã nhấn mạnh, mặc dù mỗi cơ sở giáo dục đại học đều có các nhu cầu định hướng riêng nhưng ba yếu tố về kinh tế, xã hội, môi trường vẫn là nền tảng trong mọi chiến lược PTBV.

Mặc dù nghiên cứu đã cung cấp cái nhìn phổ quát về nhận thức PTBV của SV nhưng vẫn tồn tại một số hạn chế. Mẫu khảo sát 528 SV năm ba có thể chưa đủ bao quát để đại diện cho toàn thể SV các trường. Đồng thời, nghiên cứu mới chỉ tập trung vào ba biến chính là kiến thức, hành vi và thái độ - chưa xét trong mối quan hệ với các yếu tố tác động khác như chuẩn mực xã hội, kiểm soát hành vi nhận thức hay sự gắn kết với môi trường và thiên nhiên như nghiên cứu của Zhao và cộng sự (2022) đã đưa ra trước đó.

Kết quả cho thấy mức độ nhận thức về PTBV của SV Trường ĐH KHXH&NV – một cơ sở áp dụng mô hình Đại học Xanh – không khác biệt có ý nghĩa thống kê so với SV các trường chưa triển khai mô hình này. Điều này cho thấy nhà trường cần tiếp tục phát huy môi trường thúc đẩy hành vi xanh, đồng thời tăng cường tích hợp kiến thức PTBV mang tính học thuật trong chương trình đào tạo. Kết quả này phù hợp với nghiên cứu của Dagiliūtė và cộng sự (2018), khi không ghi nhận sự khác biệt đáng kể về nhận thức bền vững giữa SV các trường “xanh” và “không xanh”, nhưng SV tại trường đại học xanh tham gia tích cực hơn vào các hoạt động bền vững. Phát hiện này gợi ý rằng các cam kết về PTBV trong giáo dục đại học cần được hiện thực hóa thông qua các hoạt động cụ thể và chiến lược truyền thông nhất quán nhằm thúc đẩy bền vững một cách toàn diện.

Trên cơ sở nền tảng nhận thức tích cực của SV, việc tích hợp PTBV vào đào tạo đại học cần được triển khai một cách hệ thống, linh hoạt và phù hợp với đặc thù từng ngành. Nội dung PTBV có thể được lồng ghép vào các học phần hiện có hoặc xây dựng thành học phần chuyên biệt, bảo đảm sự gắn kết giữa ba trụ cột kinh tế, xã hội và môi trường. Đồng thời, phương pháp giảng dạy cần định hướng phát triển năng lực, thúc đẩy tư duy phản biện, hành động có trách nhiệm và học tập qua trải nghiệm – những yếu tố cốt lõi của giáo dục vì phát triển bền vững.

Bên cạnh nội dung học thuật, môi trường học tập giữ vai trò then chốt trong việc hình thành hành vi bền vững. Các trường đại học cần xây dựng “không gian xanh” toàn diện, từ thiết kế khuôn viên, văn hóa học đường đến hoạt động ngoại khóa, nhằm tạo điều kiện cho

sinh viên thực hành các giá trị bền vững, phù hợp với khuyến nghị của Findler và cộng sự (2018) về cách tiếp cận bền vững gắn với hệ sinh thái vận hành của nhà trường. Đồng thời, truyền thông số và mạng xã hội cần được khai thác như công cụ chiến lược để lan tỏa thông điệp PTBV và thúc đẩy cộng đồng hành động, hướng tới phát triển đồng bộ nhận thức, thái độ và hành vi bền vững của sinh viên, qua đó góp phần hình thành thể hệ trẻ có trách nhiệm xã hội và năng lực giải quyết các thách thức toàn cầu.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Các tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Abu-Alruz, J., Hailat, S., Al-Jaradat, M., & Khasawneh, S. (2018). Attitudes toward pillars of sustainable development: the case for university science education students in Jordan. *Journal of Teacher Education for Sustainability*, 20(2), 64-73. <https://doi.org/10.2478/jtes-2018-0015>
- Ajzen, I. (1991). The theory of planned behavior. *Organizational behavior and human decision processes*, 50(2), 179-211.
- Biasutti, M., & Frate, S. (2017). A validity and reliability study of the attitudes toward sustainable development scale. *Environmental Education Research*, 23(2), 214-230. <https://doi.org/10.1080/13504622.2016.1146660>
- Chiba, M., Sustarsic, M., Perriton, S., & Edwards Jr, D. B. (2021). Investigating effective teaching and learning for sustainable development and global citizenship: Implications from a systematic review of the literature. *International Journal of Educational Development*, 81, 102337. <https://doi.org/10.1016/j.ijedudev.2020.102337>
- Dagiliūtė, R., Liobikienė, G., & Minelgaitė, A. (2018). Sustainability at universities: Students' perceptions from Green and Non-Green universities. *Journal of Cleaner Production*, 181, 473-482. <https://doi.org/10.1016/j.jclepro.2018.01.213>
- Dekel, E., Lipman, B. L., & Rustichini, A. (1998). *Standard state-space models preclude unawareness*. *Econometrica*, 66(1), 159-173. <https://doi.org/10.2307/2998545>.
- Do, T. V. H. (2023). Vai trò của giáo dục đại học trong phát triển bền vững [The role of university education in sustainable development]. *Journal of Education*, 23(5), 104-108.
- Findler, F., Schönherr, N., Lozano, R., & Stacherl, B. (2018). Assessing the impacts of higher education institutions on sustainable development—an analysis of tools and indicators. *Sustainability*, 11(1), 59. <https://doi.org/10.3390/su11010059>
- Gapor, S. A., Aziz, A. M. A., Razak, D. A., & Sanusi, Z. A. (2014). Implementing Education for Sustainable Development in Higher Education: Case Study of Albukhary International University, Malaysia. In Z. Fadeeva, L. Galkute, C. Mader, & G. Scott (Eds.), *Sustainable Development and Quality Assurance in Higher Education: Transformation of Learning and Society* (pp. 255-281). Palgrave Macmillan UK. https://doi.org/10.1057/9781137459145_12

- Gericke, N., Boeve-de Pauw, J., Berglund, T., & Olsson, D. (2019). The Sustainability Consciousness Questionnaire: The theoretical development and empirical validation of an evaluation instrument for stakeholders working with sustainable development. *Sustainable Development*, 27(1), 35-49. <https://doi.org/10.1002/sd.1859>
- Jadhav, A. S., Jadhav, V. V., & Raut, P. D. (2014). Role of higher education institutions in environmental conservation and sustainable development: A case study of Shivaji University, Maharashtra, India. *Journal of Environment and Earth Science*, 4(5), 30-34.
- Liere, K. D. V., & Dunlap, R. E. (1980). The social bases of environmental concern: A review of hypotheses, explanations and empirical evidence. *Public opinion quarterly*, 44(2), 181-197. <https://doi.org/10.1086/268583>
- López, M. E. N., Huddleston, R., & Lozano, R. P. M. (2020). Integrating Sustainable Development into the Curriculum: A Case Study on the Developing of Sustainability Competencies in Industrial Design Students at a Bachelor Level in Mexico. In *Integrating Sustainable Development into the Curriculum* (pp. 57-71). Emerald Publishing Limited. <https://doi.org/10.1108/S2055-364120200000018022>
- Luong, M. P., Ngo, T. T. T., Dinh, T. B. L., Pham, T. V., & Nguyen, T. T. T. (2024). Thuc trang dao tao ki nang xanh trong cac co so giao duc dai hoc o Viet Nam [The current situation of green skills training in higher education institutions in Vietnam]. *Vietnam Journal of Educational Sciences*, 20(3), 15-23. <https://doi.org/10.15625/2615-8957/12410303>
- Manolis, E. N., & Manoli, E. N. (2021). Raising awareness of the sustainable development goals through ecological projects in higher education. *Journal of Cleaner Production*, 279, 123614. <https://doi.org/10.1016/j.jclepro.2020.123614>
- Maoela, M. A., Chapungu, L., & Nhamo, G. (2024). Students' awareness, knowledge and attitudes towards the sustainable development goals at the University of South Africa. *International Journal of Sustainability in Higher Education*, 25(9), 455-473. <https://doi.org/10.1108/IJSHE-11-2023-0518>
- Meade, A. W., & Craig, S. B. (2012). Identifying careless responses in survey data. *Psychological methods*, 17(3), 437. <https://doi.org/10.1037/a0028085>
- Modica, S., & Rustichini, A. (1999). *Unawareness and partitional information structures*. Games and Economic Behavior, 27(2), 265–298. <https://doi.org/10.1006/game.1998.0666>
- Nunnally, J. C., & Bernstein, I. H. (1994). *Psychometric Theory* (3r ed.), McGraw-Hill, New York, NY.
- Nguyen, P. T., Le, N. H., Nguyen, N. A., Nguyen, V. H., Kieu, T. K., Nguyen, T. H. Y., & Nguyen, D. C. (2022). Danh gia su thay doi nhan thuc cua hoc sinh pho thong ve phat trien ben vung [Assessing changes in high school students' awareness of sustainable development]. *Vietnam Journal of Educational Sciences*, 3(2), 45-57. <https://doi.org/10.15625/2615-8957/12211205>
- Olsson, D., Gericke, N., & Boeve-de Pauw, J. (2022). The effectiveness of education for sustainable development revisited—a longitudinal study on secondary students' action competence for sustainability. *Environmental Education Research*, 28(3), 405-429. <https://doi.org/10.1080/13504622.2022.2033170>
- Perry, W. G. (1970). *Forms of intellectual and ethical development in the college years: A scheme*. Holt, Reinhart, & Winston.

- Podsakoff, P. M., MacKenzie, S. B., Lee, J. Y., & Podsakoff, N. P. (2003). Common method biases in behavioral research: a critical review of the literature and recommended remedies. *Journal of Applied Psychology*, 88(5), 879. <https://doi.org/10.1037/0021-9010.88.5.879>
- UI Green Metric. (2022). Overall rankings 2022: World University Rankings. <https://greenmetric.ui.ac.id/rankings/overall-rankings-2022>.
- Yuan, X., & Zuo, J. (2013). A critical assessment of the Higher Education For Sustainable Development from students' perspectives—a Chinese study. *Journal of Cleaner Production*, 48, 108-115. <https://doi.org/10.1016/j.jclepro.2012.10.041>
- Zhang, X., Geng, G., & Sun, P. (2017). Determinants and implications of citizens' environmental complaint in China: Integrating theory of planned behavior and norm activation model. *Journal of Cleaner Production*, 166, 148-156. <https://doi.org/10.1016/j.jclepro.2017.08.020>
- Zhao, M., Li, Z., Xia, B., Chen, W., Tang, T., Meng, Z., & Ding, Y. (2022). Enhancing residents' environmentally responsible behavioral intentions: The role of awe and place attachment in potatso national park communities, Tibet. *Forests*, 13(8), 1251. <https://doi.org/10.3390/f13081251>

THE AWARENESS LEVEL OF SUSTAINABLE DEVELOPMENT AMONG THIRD-YEAR STUDENTS AT SELECTED UNIVERSITIES IN HO CHI MINH CITY

Nguyen Vien Thong^{1*}, Tran My Nguyen¹, Nguyen Hoang Bao Uyen¹, Dao Thi Hoang Hoa²

¹University of Social Sciences and Humanities, Vietnam National University Ho Chi Minh City, Vietnam

²Ho Chi Minh City University of Education, Vietnam

*Corresponding author: Nguyen Van Minh Tri – Email: thong.nguyen@hcmussh.edu.vn

Received: April 18, 2025; Revised: May 06, 2025; Accepted: August 05, 2025

ABSTRACT

Higher education institutions have integrated sustainability education into their development strategies. In this context, conducting a study to assess students' awareness levels is essential for informing the universities' policies. This study measured the level of awareness of sustainable development among 528 third-year students from some universities in Ho Chi Minh City, aiming to explore the relationship between students' knowledge, attitudes, and behaviors towards sustainable development. The results reveal that although students exhibit positive knowledge and attitudes toward sustainable development, these factors are insufficient to foster corresponding behaviors, which remain moderate. Students tend to access information about sustainable development primarily through social media and mainstream news channels, rather than through university education programs. Notably, there is no significant difference in students' awareness across universities, regardless of whether the higher education institution has applied the Green University model. Consequently, the study proposes several practical educational implications that aim not only to enhance awareness and attitudes but also to promote specific behaviors contributing to comprehensive sustainable development.

Keywords: attitude; awareness; behavior; green university; knowledge; students; sustainable devstudents